**TOÁN**

**Bài 3: Số chẵn, số lẽ (T1)**

**I.Yêu cầu cần đạt:**

- Hiểu thế nào là số chẵn, số lẻ. Nắm được dấu hiệu nhận biết số chẵn, số lẻ

- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.

- Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

**II. Đồ dùng dạy học**: SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. Hoạt động dạy- học**

**1. Khởi động:**

- HS tham gia trò chơi để khởi động bài học.

**2. Khám phá**

a. HS quan sát tranh. 1 HS đọc lời nói của Mai và Rô bốt.

- HS lắng nghe và trả lời câu hỏi: Các số đó có đặc điểm gì?

+ Học sinh trả lời, nhận xét lẫn nhau.

- Để dễ tìm số nhà, người ta dùng các số chẵn (như 10, 12, 14, 16, 18, ....) để đánh số nhà ở một bên của dãy phố, bên còn lại người ta dùng các số lẻ (như 11, 13, 15, 17, 19, ...)

b. Số chẵn, số lẻ:

+ Các số 10, 12, 14, 16, 18 có đặc điểm gì?

- HSTL: Các số 10, 12, 14, 16, 18 đều chia hết cho 2.

+ Các số 11, 13, 15, 17, 19 có đặc điểm gì?

- HSTL: Các số 11, 13, 15, 17, 19 không chia hết cho 2.

+ Số chẵn là số như thế nào? (Số chia hết cho 2 là số chẵn).

+ Số lẻ là số như thế nào? (Số không chia hết cho 2 là số lẻ).

- 1 HS đọc lại.

- HS thảo luận nhóm đôi, trả lời câu hỏi:

+ Nêu cách để nhận biết số chẵn, số lẻ. Cho ví dụ.

- Đại diện nhóm trình bài, nhận xét lẫn nhau.

+ Các số có chữ số tận cùng 0, 2, 4, 6, 8 là các số chẵn. Ví dụ: 40, 72, 214, 96, ...

- Các số có chữ số tận cùng 1, 3, 5, 7, 9 là các số lẻ. Ví dụ: 31, 73, 615, 107, ...

+ Nhận xét, tuyên dương.

+ Hỏi: Muốn xác định số chẵn hay số lẻ, ta dựa vào dấu hiệu nhận biết nào?

- Dựa vào chữ số tận cùng (chữ số hàng đơn vị) của số đó.

**3. Luyện tập**

Bài 1. Trong các số dưới đây, số nào là số chẵn, số nào là số lẻ? (Làm việc cá nhân)

- 1 HS đọc đề bài.

- HS lần lượt trả lời, HS khác nhận xét.

- Nhận xét, kết luận.

Bài 2: Nêu các số chẵn, số lẻ trên tia số dưới đây. (Làm việc cá nhân)

- 1 HS nêu dấu hiệu nhận biết số chẵn, số lẻ.

- 1 HS đọc đề bài. Cả lớp làm bài vào vở.

- 1 HS trình bày: Dựa vào chữ số tận cùng của số đó. Nếu chữ số tận cùng 0; 2; 4; 6; 8 là số chẵn; chữ số tận cùng 1; 3; 5; 7; 9 là số lẻ.

- HS nêu kết quả, HS nhận xét.

- Thu vở nhận xét một số bài, sửa sai.

- Nhận xét, kết luận.

Bài 3: Từ 10 đến 31 có bao nhiêu số chẵn, bao nhiêu số lẻ? (Làm việc nhóm 2)

- 1 HS đọc đề bài.

- Các nhóm làm việc theo phân công.

- Các nhóm trình bày. Các nhóm khác nhận xét.

- Nhận xét, kết luận.

**4. Vận dụng trải nghiệm.**

- Trò chơi Hái hoa (củng cố lại bài học).

- Nhận xét, tuyên dương.

**IV. Những điều chỉnh sau bài dạy:**

..................................................................................................................................................................................................................................................................................----------------------------------------------------

**TOÁN**

**Bài 3: Số chẵn, số lẽ (T2)**

**I.Yêu cầu cần đạt:**

- Củng cố cách nhận biết về nhận biết số chẵn, số lẻ và bổ sung cách nhận biết hai số chẵn liên tiếp, hai số lẻ liên tiếp.

- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.

- Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

**II. Đồ dùng dạy học**: SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. Hoạt động dạy- học**

**1. Khởi động:**

- HS tham gia trò chơi để khởi động bài học.

**2. Luyện tập:**

Bài 1. Con ong bay đến bông hoa màu nào nếu:

- HS lần lượt trả lời, HS khác nhận xét.

- Nhận xét, kết luận.

Bài 2: Nêu số nhà còn thiếu.

- HS làm bài theo nhóm 2, các nhóm làm bài vào vở.

- HS làm bài.

- HS đổi vở soát theo nhóm bàn trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.

- Nhận xét, kết luận.

Bài 3: a) Số?

- HS làm bài theo nhóm đôi.

- Các nhóm trình bày. Nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- Nhận xét, kết luận.

b) HS làm bài cá nhân vào vở.

- HS nhận xét và đọc lại số.

- Nhận xét, kết luận.

Bài 4. Từ hai trong ba thẻ số 7, 4, 5, hãy lập tất cả các số chẵn và các số lẻ có hai chữ số. (Làm việc nhóm hoặc thi ai nhanh ai đúng.)

- HS nêu cách nhận biết số chẵn và số lẻ.

- Chia nhóm hoặc thi để hoàn thành bài tập.

- HS làm việc theo yêu cầu.

- Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét, tuyên dương.

- Nhận xét, kết luận.

**3. Vận dụng trải nghiệm.**

- Trò chơi Vượt chướng ngại vật (củng cố lại kiến thức).

- Nhận xét, tuyên dương.

**IV. Những điều chỉnh sau bài dạy:**

..................................................................................................................................................................................................................................................................................----------------------------------------------------